

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, có ý kiến đối với  
các hoạt động liên quan đến đê điều<sup>1</sup>**

Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

2. Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

*Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai;*

---

<sup>1</sup> Tên Thông tư “Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều” được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 17 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều<sup>2</sup>.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh<sup>3</sup>**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc chấp thuận các hoạt động liên quan đến đê điều quy định tại khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều và về nội dung đảm bảo thoát lũ, an toàn đê điều của dự án đầu tư xây dựng ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao nơi chưa có công trình xây dựng quy định tại khoản 4 Điều 26 Luật Đê điều.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến đê điều.

### **Điều 3. Quy định về việc chấp thuận**

1. Các hoạt động phải lấy ý kiến chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>4</sup> bao gồm:

---

<sup>2</sup> Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;”*

Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;”*

<sup>3</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 18 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

<sup>4</sup> Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

a) Cấp giấy phép cho các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III;

b) Xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên.

## 2. Nội dung xem xét chấp thuận

a) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về đê điều;

b)<sup>5</sup> Sự phù hợp với quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; phương án phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Việc bảo đảm an toàn đê điều, thoát lũ khi xây dựng công trình;

d) Giải pháp phòng, chống lũ trong quá trình thi công và đảm bảo an toàn cho đê trong quá trình quản lý, sử dụng công trình;

đ) Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên đê trong quá trình thi công;

e) Các vấn đề liên quan khác (nếu có).

## 3.<sup>6</sup> Cách thức thực hiện việc lấy ý kiến chấp thuận

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường một bộ Hồ sơ (bản chính hoặc bản sao y) bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, bao gồm:

a) Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Ý kiến bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Hồ sơ kỹ thuật công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm: Thuyết minh và Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt cắt đại diện, trong đó thể hiện những nội dung liên quan đến đê điều, thoát lũ khi xây dựng công trình;

d) Văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện dự án (nếu có);

đ) Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên.

---

<sup>5</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

<sup>6</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

#### 4.7 Tiếp nhận, xử lý hồ sơ

a) Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ.

b) Trong quá trình xử lý hồ sơ, nếu xét thấy công trình có ảnh hưởng đến an toàn đê điều và thoát lũ, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai có thể báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung thêm các tài liệu để phục vụ cho quá trình xem xét, chấp thuận bao gồm: văn bản thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về sự ảnh hưởng của công trình đến an toàn đê điều và thoát lũ lòng sông (sự giảm lưu lượng lũ thiết kế; tăng mực nước lũ thiết kế; ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu; ổn định lòng dẫn; ổn định thân đê, nền đê khu vực xây dựng công trình); ý kiến bằng văn bản của các cơ quan chức năng liên quan; tài liệu khảo sát địa hình, địa chất phục vụ cho việc kiểm tra, tính toán.

c) Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định hoặc cần bổ sung tài liệu quy định tại điểm b khoản này, trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường có thông báo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

d) Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai xem xét hồ sơ, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo, nêu rõ lý do việc không chấp thuận và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

#### **Điều 4. Quy định về việc lấy ý kiến<sup>8</sup>**

1. Các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao nơi chưa có công trình xây dựng trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nội dung đảm bảo thoát lũ, an toàn đê điều phải được Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến về nội dung đảm bảo thoát lũ, an toàn đê điều.

#### 2. Nội dung xem xét, có ý kiến

a) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về đê điều;

---

<sup>7</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

<sup>8</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 20 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

b) Sự phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai, quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Vị trí xây dựng công trình so với phạm vi bảo vệ đê điều;

d) Các nội dung đảm bảo không được làm giảm quá giới hạn cho phép của lưu lượng lũ thiết kế; không làm tăng quá giới hạn cho phép của mực nước lũ thiết kế; không ảnh hưởng đến dòng chảy của khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu đối với việc xây dựng công trình;

đ) Việc bảo đảm an toàn đê điều, ổn định bờ, bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao, lòng dẫn khi xây dựng công trình;

e) Giải pháp phòng, chống lũ trong quá trình thi công, quản lý, sử dụng công trình;

g) Các vấn đề liên quan khác (nếu có).

### 3. Cách thức thực hiện việc lấy ý kiến

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường một bộ Hồ sơ (bản chính hoặc bản sao y) bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, bao gồm:

a) Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Ý kiến bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng bao gồm nội dung đảm bảo thoát lũ, an toàn đê điều, trong đó thể hiện những nội dung liên quan đến quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai, quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và kết quả tính toán đáp ứng yêu cầu về an toàn đê điều, thoát lũ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Đê điều và Điều 5 Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

d) Văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện dự án (nếu có);

đ) Văn bản thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về sự ảnh hưởng của công trình đến an toàn đê điều và thoát lũ lòng sông, cụ thể về sự giảm lưu lượng lũ thiết kế; tăng mực nước lũ thiết kế; ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu; ổn định lòng dẫn; ổn định thân đê, nền đê khu vực xây dựng công trình;

e) Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên.

#### 4. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ

a) Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định hoặc cần bổ sung tài liệu, trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường có thông báo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

c) Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai xem xét hồ sơ, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến bằng văn bản và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành<sup>9</sup>**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2021 và thay thế Thông tư số 46/2011/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trình tự thực hiện chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều.

---

<sup>9</sup> Điều 12 và Điều 13 của Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

**“Điều 12. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Bãi bỏ Mục 2 Chương II bao gồm các Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 và khoản 2 Điều 22 Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương.

3. Kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp đã được phê duyệt thì tiếp tục thực hiện cho đến khi hết chu kỳ thực hiện của kế hoạch hoặc cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

**Điều 13. Trách nhiệm thi hành**

1. Hội đồng nhân dân đặc khu, Ủy ban nhân dân đặc khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc khu vực hải đảo.

2. Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm tương ứng của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để hướng dẫn, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.”

Điều 29 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026 quy định như sau:

**“Điều 29. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để hướng dẫn, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.”

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường<sup>10</sup> để nghiên cứu, giải quyết./

---

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG****XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: /VBHN-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Bộ NN&MT: Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế;
- Lưu VT, ĐD.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Hoàng Hiệp**

---

<sup>10</sup> Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.